

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST

Ngày: 13 - 4 - 2023.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng góp hụi và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hồng.

Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLST-DS, ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi và đòi lại tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST - DS ngày 13/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 45/2023/QĐST-DS ngày 29/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị L**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy ủy quyền ngày 09/3/2023. (có mặt)

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Cẩm H**, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm H. Địa chỉ: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy ủy quyền ngày 12/4/2023. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào năm 2020 bà H có tham gia chơi hụi do bà L làm chủ, cụ thể các dây hụi như sau:

Dây hụi thứ 1: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 30/5/2020 âm lịch, có 22 phần, bà H tham gia 01 phần. Đến ngày 30/7/2020 bà H hốt hụi được số tiền là 30.000.000 đồng, bà L đã giao tiền cho bà H đầy đủ. Sau khi hốt hụi bà H chỉ đóng lại được 14 lần hụi chết, còn nợ lại 05 lần với số tiền 05 lần x 2.000.000 đồng x 01 phần = 10.000.000 đồng. Hiện dây hụi này đã mãn.

Dây hụi thứ 2: Hụi tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 20/10/2020 âm lịch, có 22 phần, bà H tham gia 02 phần. Đến ngày 04/11/2020 bà H hốt một phần hụi được số tiền là 30.290.000 đồng, bà L đã giao tiền cho bà H đầy đủ. Đến ngày 21/12/2020 bà H hốt phần hụi còn lại được số tiền là 27.700.000 đồng, bà L đã giao tiền cho bà H đầy đủ. Sau khi hốt hụi bà H chỉ đóng lại được tổng cộng 20 lần hụi chết của 02 phần hụi, còn nợ lại 10 lần với số tiền 10 lần x 2.000.000 đồng x 2 phần = 40.000.000 đồng. Hiện dây hụi này đã mãn.

Tổng cộng bà H còn nợ bà L tiền hụi chết là 50.000.000 đồng. Sau đó, bà H đã trả cho bà L được số tiền là 20.700.000 đồng hiện còn nợ lại số tiền hụi chết là 29.300.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 16/4/2020 âm lịch bà H có hỏi vay của bà L số tiền là 10.000.000 đồng. Đến ngày 20/5/2020 âm lịch bà H vay thêm 5.000.000 đồng. Sau đó bà H vay nhiều lần nữa tổng cộng là 60.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng. Đến ngày 15/10/2020 âm lịch bà H tiếp tục vay số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng. Ngày 15/5/2021 âm lịch bà H tiếp tục vay số tiền là 37.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng. Ngày 06/9/2021 âm lịch bà H tiếp tục vay số tiền là 37.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng. Tổng cộng bà H vay của bà L với số tiền 149.000.000 đồng. Các lần vay đều có làm biên nhận do bà H tự ghi và ký tên vào. Bà H vay tiền là để chi tiêu gia đình.

Trước đây bà H còn nợ lại bà L số tiền hụi của các dây hụi trước với tổng số tiền là 25.500.000 đồng đến ngày 19/11/2021 âm lịch bà H có làm biên nhận nợ với bà L.

Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà H và ông T chồng bà H trả số tiền còn nợ nhưng vợ chồng bà H chỉ hứa mà không trả.

Nay bà Hồ Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Văn T trả số tiền hụi còn nợ 29.300.000 đồng, tiền vay

149.000.000 đồng và tiền nợ 25.500.000 đồng. Tổng cộng là 203.800.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:

Bà L khởi kiện yêu cầu buộc chồng bà là ông Nguyễn Văn T cùng có trách nhiệm trả nợ thì bà không đồng ý. Vì từ trước đến nay bà chơi hụi hay vay tiền của bà L bà đều giấu ông T nên ông T không hay biết. Trong các biên nhận thì chỉ có một mình bà ký nên ông T không có liên quan gì.

Đối với việc bà L khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền nợ hụi là 29.300.000 đồng và tiền còn nợ 25.500.000 đồng, thì bà thừa nhận còn nợ số tiền như bà L yêu cầu. Đối với số tiền vay bà L yêu cầu 149.000.000 đồng, thực tế vào năm 2017 bà có vay của bà L nhiều lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, 20.000.000 đồng với tổng số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng. Lãi suất bà L cho vay là 10%/tháng bà đóng lãi H tháng cho bà L. Đến năm dịch bệnh bà không có tiền nên ngưng đóng lãi. Sau đó, bà L tính lãi, cộng vốn gốc và buộc bà ký vào các biên nhận nên mới thành số tiền 149.000.000 đồng. Nay bà cũng đồng ý trả số tiền này cho bà L nhưng đối với yêu cầu tính lãi thì bà không đồng ý. Hiện do hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản nên bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Đối với việc nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền hụi, tiền vay và tiền nợ. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú tại Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi và đòi lại tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 2, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay. Xét thấy, việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

- Về nội dung:

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hui còn nợ 29.300.000 đồng, tiền vay 149.000.000 đồng và tiền nợ 25.500.000 đồng. Tổng cộng là 203.800.000 đồng. Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 203.800.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, theo bị đơn do hoàn cảnh khó khăn, không có tiền nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền còn nợ tổng cộng là 203.800.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 166, Điều 280, Điều 469, Điều 470 và Điều 471 của Bộ luật dân sự và Điều 17, Điều 18 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định “*Về họ, hui, biểu, phường*” nên HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn trả tổng số tiền nợ. Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn trình bày số tiền vay và tiền hui bị đơn sử dụng vào việc cho con đi học và trị bệnh cho bị đơn. Đồng thời, giữa bị đơn với ông T có quan hệ vợ chồng và số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn trả tổng số tiền còn nợ là có cơ sở theo qui định tại Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án. Nguyên đơn bà Hồ Thị L không phải chịu án phí.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 280, Điều 469, Điều 470 và Điều 471 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị L tổng số tiền còn nợ là 203.800.000 đồng (*hai trăm lẻ ba triệu tám trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị L đối với yêu cầu tính lãi số tiền vay.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 10.190.000 đồng (*mười triệu một trăm chín mươi ngàn đồng*).

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn